

Bản án số: 17/2017/HC-ST

Ngày: 18/12/ 2017

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính là Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Nam

2. Ông Dương Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-HC ngày 03 tháng 4 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính là Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn Kim Sơn, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 10 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số...../2017/QĐST-HC ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị V

Địa chỉ: Thôn C1, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông L vắng mặt, bà V có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền ông L, bà V: Ông Trần Đức A.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Trần và cộng sự, số 117 B đường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 749 đường T, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Ngọc S- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc T- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T(Theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 07/7/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ, Người khởi kiện – ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị V trình bày như sau:

Vào năm 1973 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V đã khai hoang và sử dụng các thửa đất số 131,132,133,134,135,136,137,139 thuộc tờ bản đồ số 06 tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế với tổng diện tích 2.667,5m².

Năm 2010 Ủy ban nhân dân thị xã T tiến hành thu hồi đối với các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông L bà V nhưng không có quyết định thu hồi và không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015 ông L bà V đã tiến hành khiếu nại đến các cấp chính quyền.

Ngày 11/5/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 832/QĐ-UBND về việc chấp nhận khiếu nại của ông L bà V về yêu cầu bồi thường đối với việc thu hồi đất của ông L bà V tại các thửa 133,134,135,136.

Ngày 28/01/2016 Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 244/QĐ-UBND về việc chấp nhận khiếu nại của ông L bà V và chấp nhận bồi thường diện tích 957,7 m² thuộc thửa đất số 139.

Căn cứ vào các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với thửa số 133,134,135,136 với số tiền 80.628.000 đồng và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với thửa đất 139 với số tiền 88.970.000 đồng.

Do nhận thấy 02 quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân thị xã T đã áp dụng pháp luật không đúng; không thực hiện việc bồi thường tài sản trên đất, không thực hiện việc hỗ trợ khi thu hồi đất và không áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà V nên ông L, bà V đã khởi kiện đến Tòa án đề nghị Tòa án hủy hai quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân

khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã T thực hiện việc bồi thường đối với các thửa đất bị thu hồi với tổng số tiền là 316.879.600 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất).

Vào ngày 07/7/2017 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V đã có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với nội dung như sau: Yêu cầu hủy quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015, quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế về thực hiện việc bồi thường đất; Buộc Ủy ban nhân dân thị xã T có nghĩa vụ bồi thường cho ông L, bà V số tiền 1.297.538.320 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất). Theo ông L, bà V thì việc ông bà thay đổi số tiền bồi thường so với yêu cầu khởi kiện đã thụ lý ban đầu là do qua tìm hiểu thì ông bà biết được thửa đất mà Ủy ban nhân dân thị xã T thu hồi của gia đình ông đã được bán đấu giá và giá trị thực tế của thửa đất là giá trị giao dịch cuối cùng đã thực hiện thông qua việc đấu giá tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, do nhầm lẫn trong việc đánh máy và trình bày nên ông L bà V đã viết sai số quyết định yêu cầu Tòa án hủy bỏ là Quyết định 4432/QĐ-UBND ngày 18/12/2015. Tại Văn bản giải trình ngày 31/8/2017 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V đã đề nghị Tòa án đính chính và xác định lại đối với quyết định đề nghị Tòa án hủy theo đúng với số quyết định mà Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành là 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

- *Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày và đề nghị với nội dung:*

Năm 2010 khi thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư, khu dịch vụ du lịch trên địa bàn xã B thì các thửa đất 131,132,133,134,135,136,137 và 139 nêu trên đã được Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 và Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 của Ủy ban nhân dân thị xã T.

Ngày 20/4/2010 Ủy ban nhân dân thị xã T có Quyết định số 115/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án phân lô đầu giá đất tại xã B, thị xã T.

Sau khi có quy hoạch phân lô, diện tích đất nêu trên được Ủy ban nhân dân thị xã T đưa vào tổ chức đấu giá. Đối với thửa đất ông Nguyễn Văn L đang khiếu nại về việc áp giá bồi thường về đất thuộc thửa đất 133,134,135 và 136 thuộc tờ bản đồ số 6 với tổng diện tích là 867,9m²; thửa đất số 139 thuộc tờ bản đồ số 6 với diện tích 957,7m² tọa lạc tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các thửa đất số 133,134,135,136 thuộc tờ bản đồ số 6 với tổng diện tích là 867,9m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận bồi thường về đất nông nghiệp theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 11/5/2015. Sau khi nhận quyết định nói trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thì ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị V không có khiếu nại gì liên quan đến nội dung giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 18/12/2015 Ủy ban nhân dân thị xã T có Quyết định số 4423/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với thửa số 133,134,135,136 với số tiền 80.628.000

đồng. Giá đất bồi thường được tính theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định tại thời điểm năm 2013.

Đối với thửa đất số 139 thuộc tờ bản đồ số 6 với diện tích 957,7m² được Ủy ban nhân dân thị xã T công nhận bồi thường về đất nông nghiệp theo quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 28/01/2016. Sau khi nhận quyết định này thì ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V không có khiếu nại gì liên quan đến nội dung giải quyết của Ủy ban nhân dân thị xã T. Ngày 24/5/2016 Ủy ban nhân dân thị xã T có Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với thửa đất 139 với số tiền 88.970.000 đồng. Giá đất bồi thường được tính theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm năm 2013.

Về việc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V yêu cầu hủy Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã T thì Ủy ban nhân dân thị xã T cho rằng tại thời điểm 2010 khi Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành các quyết định thu hồi đất đối với các thửa số 133,134,135,136 và 139 thuộc tờ bản đồ số 6 thì theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã B thì các thửa đất nói trên thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý nên Ủy ban nhân dân thị xã không thông báo việc thu hồi đến hộ gia đình ông L và không thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất mà chỉ giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân xã B kiểm tra bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất mà ông L bà V trồng trước đây. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân xã B kiểm kê vào năm 2010 thì trên các thửa đất này chỉ có tồn tại một số cây keo và cây tre, ngoài ra không có tài sản gì khác. Tại biên bản kiểm kê đền bù lập ngày 24/10/2010 ông Nguyễn Văn L ký xác nhận vào biên bản kiểm kê và không có ý kiến gì khác. Vì vậy, việc ông L bà V trình bày Nhà nước đền bù thiếu tài sản trên đất theo như ý kiến ông bà đã trình bày là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Việc 02 quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông L gồm Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã T thì Ủy ban nhân dân thị xã T cũng thấy có nhiều sai sót về căn cứ văn bản và chính sách bồi thường. Tuy nhiên đây là sai sót trong việc cập nhật văn bản, cả hai phần diện tích thu hồi gồm 867,9m² và 957,5m² đều được áp giá đất theo giá đất năm 2013 là 20.900 đồng/m² và hỗ trợ 20% giá trung bình khu vực khi thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính xã là 360.000đ x 20% = 72.000 đồng/m², việc áp dụng này là có lợi nhất cho hộ gia đình ông L và không có sự khác nhau về việc áp giá.

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất theo quy định thì hộ gia đình bị thu hồi từ 30-70% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Qua kiểm tra thì hộ gia đình ông L chỉ bị thu hồi 22,4% tức là chưa quá 30% theo quy định nên không đủ điều kiện để ổn định hỗ trợ đời sống sản xuất.

Việc ông L bà V đề nghị áp dụng hỗ trợ cho hộ gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thì do hộ ông L bà V không phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện dự án nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ.

Qua phân tích và áp dụng chính sách hỗ trợ đối với trường hợp công nhận

đất nông nghiệp cho ông bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị V để bồi thường, hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân thị xã T cho rằng hai quyết định là Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 là phù hợp với quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nên Ủy ban nhân dân thị xã T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà V về yêu cầu hủy Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 và buộc Ủy ban nhân dân thị xã T bồi thường số tiền 1.297.538.320 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất) là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông L, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Vào ngày 10/11/2017 Tòa án đã mở phiên tòa và tại phiên tòa xét thấy cần thu thập xác minh một số vấn đề liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu các bên đương sự cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án. Nhưng từ khi tạm ngừng phiên tòa đến nay các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thêm và đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; đồng thời không yêu cầu Tòa án tiến hành đối thoại liên quan đến yêu cầu khởi kiện bổ sung vào ngày 07/7/2017 vì các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không có ý kiến gì thêm .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký phiên tòa và các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Về việc giải quyết vụ án: Về các quyết định 4423 và quyết định 1336 của Ủy ban nhân dân thị xã T đã xem xét có lợi nhất cho ông L bà V nên các quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông L bà V. Đồng thời phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã T phải bồi thường 1.297.538.320 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất) là vượt yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần khởi kiện ban đầu là yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã T thực hiện việc bồi thường đối với các thửa đất bị thu hồi với tổng số tiền là 316.879.600 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý

kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật hành chính bị tranh chấp:* Đây là tranh chấp về khiếu kiện quyết định hành chính là Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- *Về đối tượng khởi kiện:* Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quyết định 4423) và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân thị xã T là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi tắt là Quyết định 1336). Căn cứ khoản 1,2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

- *Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 18/12/2015 và 24/5/2016 Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V. Do không đồng ý với quyết định bồi thường hỗ trợ này nên vào các ngày 27/03/2016 và ngày 16/12/2016 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án là nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V yêu cầu xem xét Quyết định 4423 và Quyết định 1336 về việc phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch tại thôn S, xã B, thị xã T. Đây là các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã T trong hoạt động quản lý hành chính về đất đai được áp dụng một lần đối với ông L, bà V làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông bà nên căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung

- *Về thẩm quyền ban hành các Quyết định:*

Dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại khu vực S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân thị xã T phê duyệt và làm chủ đầu tư dự án

nói trên. Đây là dự án vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, do đó Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

- Về hình thức, trình tự, thủ tục ban hành và nội dung các quyết định:

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trước khi ban hành Quyết định 1284/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 và Quyết định 42/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 về việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thị xã T đã không thực hiện việc kiểm tra nguồn gốc các thửa đất được thu hồi mà chỉ dựa vào báo cáo của Ủy ban nhân dân xã B nên không tiến hành thẩm tra, thẩm định lại dẫn đến việc ban hành Quyết định thu hồi đất không đúng đối tượng. Vì vậy, thông báo thu hồi đất cũng như phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư không được thông báo đến hộ gia đình ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị V đối với các thửa số 133,134,135,136 và 139 thuộc tờ bản đồ số 6 tại xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh đó, do việc xác định không đúng nguồn gốc các thửa đất đã thu hồi nên Ủy ban nhân dân thị xã T đã không tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với diện tích quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông L, bà V. Đồng thời Ủy ban nhân dân thị xã T cũng không niêm yết công khai phương án bồi thường đối với các hộ gia đình có đất bị thu hồi tại Ủy ban nhân dân xã B theo đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 thì Trung tâm phát triển quỹ đất và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thị xã T phải lập phương án bồi thường và phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B lấy ý kiến về phương án bồi thường (phải tổ chức họp trực tiếp với người dân và lập biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân xã B, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã B, đại diện những người có đất bị thu hồi). Quá trình giải quyết vụ án, phía Ủy ban nhân dân thị xã T đã không cung cấp được các tài liệu, chứng minh cho các quy trình quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013 cũng như quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 ban hành quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trước khi ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất tại khu vực S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế nên đã gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay đại diện Ủy ban nhân dân thị xã T cũng thừa nhận do việc báo cáo của Ủy ban nhân dân xã B cho rằng các thửa đất thu hồi là thuộc diện quản lý Ủy ban nhân dân xã nên Ủy ban thị xã không thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai.

Về nội dung của các quyết định Quyết định 4423 và Quyết định 1336 :

Xét về các căn cứ để ban hành Quyết định 4423 và Quyết định 1336 của Ủy ban nhân dân thị xã T, Hội đồng xét xử nhận thấy Ủy ban nhân dân thị xã T đã áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật không chính xác trong các quyết định nói trên. Một số văn bản dẫn chiếu tại Quyết 1336 đã hết hiệu lực tại thời điểm ban

hành quyết định 1336 nhưng vẫn được Ủy ban nhân dân thị xã T áp dụng. Thời gian ban hành hai quyết định 4423 và 1336 chỉ cách nhau một thời gian ngắn nhưng Ủy ban nhân dân thị xã T lại viện dẫn các căn cứ pháp luật cho việc ban hành các quyết định không đồng nhất nên khi ban hành quyết định về việc áp giá đền bù cho hộ gia đình của ông L, bà V là chưa chính xác, thiếu tính thuyết phục cho hộ gia đình có đất bị thu hồi. Cụ thể tại Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019) thì tại quyết định này cũng đã xác định giá đất đối với đất trồng cây lâu năm, vị trí 1, vùng đồng bằng thuộc địa bàn xã B có đơn giá 23.000VNĐ nhưng trong các quyết định 1336, 4423 Ủy ban nhân dân thị xã T đưa ra đơn giá là 20.900 VNĐ là không đúng với đơn giá mà trong Quyết định 75/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành.

Về việc Ủy ban nhân dân thị xã T cho rằng đã tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi và đã bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V thể hiện tại Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô khu S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế với số tiền là 1.200.000 đồng đối với 100 cây tre và 30 cây keo lai của ông L. Tuy nhiên qua trình bày của ông L, bà V cũng như xác nhận từ Ủy ban nhân dân thị xã T thì hiện nay phía hộ gia đình ông L, bà V vẫn chưa nhận bất cứ khoản tiền bồi thường nào từ việc đền bù đất và tài sản trên đất. Điều này cho thấy giữa hộ gia đình ông L, bà V với Ủy ban nhân dân thị xã T vẫn chưa thống nhất được số lượng tài sản trên đất bị thu hồi nên việc Ủy ban nhân dân thị xã T cho rằng tại thời điểm thu hồi trên đất chỉ có 100 cây tre, 30 cây keo, ngoài ra không có tài sản gì khác là không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này.

Về số tiền ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã T phải bồi thường số tiền 1.297.538.320 đồng(bao gồm giá trị đất và tài sản trên đất). Quá trình giải quyết vụ án, ông L bà V không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc hình thành số tiền này nên căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật tố tụng hành chính 2015 quy định về giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính quy định “ *Trường hợp trong vụ án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện để chứng minh thì Tòa án có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự*” , như vậy nếu sau này ông L, bà V có đầy đủ các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường số tiền 1.297.538.320 đồng là có căn cứ thì ông L, bà V có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã T bồi thường số tiền 1.297.538.320 đồng của ông L bà V là chưa đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông L bà V là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V về việc hủy Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn Kim Sơn, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân thị xã T.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị V được chấp nhận nên ông L bà V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 điều 69 Luật đất đai 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V.

2.Hủy toàn bộ Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch phân lô đất ở và dịch vụ tại thôn S, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch phân lô xen cư đầu giá đất ở tại thôn Kim Sơn, xã B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân thị xã T

3.Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị V không phải chịu. Ông L bà V được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số số 005288 ngày 03/4/ 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế

4.Về quyền kháng cáo: Báo cho người khởi kiện, người bị kiện biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HC; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hưng Bính